

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/LĐ-PT
Ngày 30-01-2018
V/v tranh chấp thanh toán tiền lương và
trợ cấp thất nghiệp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Ông Phạm Văn Phích

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLPT-LĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp thanh toán tiền lương và trợ cấp thất nghiệp.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2017/LĐ-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2018/QĐ - PT ngày 05 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn T; cư trú tại Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần D; có trụ sở tại Km9, Quốc lộ 5, phường Đ, quận E, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn P- Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 23/2017/GUQ-TVN.CTHĐQT ngày 16/01/2017), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Bùi Văn T trình bày:

Anh Tuyền là người lao động làm việc tại Công ty Cổ phần D từ ngày 06/9/2009 theo Hợp đồng lao động số 647/2009/HĐLD-TVN. Ngày 02/7/2014 Công ty có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh. Theo nội dung quyết định trên, anh không được hưởng trợ cấp thôi việc và phải bồi thường cho Công ty số tiền là 1.794.500đ vì anh đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, vi phạm thời hạn báo trước. Tiền lương và các chế độ theo lương của anh được hưởng theo chế độ của Công ty tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, theo anh Tuyền thì anh không đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật. Công ty Cổ phần D tự ý hợp xét kỷ luật và ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh mà không thông báo cho anh biết, anh Tuyền cũng không được tham gia các cuộc họp có liên quan. Như vậy, người đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là Công ty Cổ phần D.

Tại thời điểm anh Tuyền nghỉ việc, Công ty Cổ phần D còn nợ anh 07 tháng tiền lương gồm các tháng 9, 10, 11, 12 năm 2013 và lương các tháng 5, 6, 7 năm 2014. Anh Tuyền yêu cầu Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho anh 07 tháng tiền lương với số tiền là 10.951.332 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tiền lương, tiền trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật và tiền lãi do chậm thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp. Anh Tuyền không yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc. Công ty Cổ phần D hoàn trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần D trình bày:

Do suy thoái của nền kinh tế những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty, dẫn đến việc Công ty phải dừng sản xuất, có nguy cơ lâm vào tình trạng phá sản, dẫn đến nợ tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội, kéo theo chế độ quyền lợi của người lao động đã nghỉ việc nhưng chưa được giải quyết. Đến nay, được sự phê chuẩn của UBND thành phố Hải Phòng và các ngân hàng thương mại, Công ty đã triển khai đề án tái cấu trúc, cơ cấu lại toàn bộ doanh nghiệp và từng bước hoạt động sản xuất ổn định trở lại. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có lãi nhưng Công ty vẫn quan tâm giải quyết những tồn tại cũ liên quan đến vấn đề nợ lương, trợ cấp thất nghiệp, nợ tiền bảo hiểm xã hội và chốt trả Sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Công ty xác nhận còn nợ anh Tuyền 7 tháng tiền lương với số tiền là 10.951.332 đồng, đồng thời Công ty cũng xác nhận vẫn đang lưu giữ Sổ bảo hiểm xã hội của anh Tuyền. Công ty sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lương như nêu trên và hoàn trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh Tuyền nhưng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tuyền đối với khoản lãi từ việc chậm thanh toán tiền lương và tiền trợ cấp thất nghiệp do Công ty không chốt Sổ bảo hiểm xã hội cho anh Tuyền.

Tại Bản án số 05/2017/LĐ-ST ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T về việc buộc Công ty Cổ phần D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho anh Tuyển khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là 12.920.400 đồng và số tiền lãi chậm trả tiền trợ cấp thất nghiệp tính đến hết tháng 9/2017 là 4.199.130 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T về việc:

Buộc Công ty Cổ phần D phải trả cho anh khoản tiền nợ lương là 10.951.332 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương.

Buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho anh Tuyển.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần D kháng cáo với lý do Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán khoản tiền trợ cấp thất nghiệp và tiền lãi chậm trả tiền trợ cấp thất nghiệp là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn trình bày quan điểm bảo vệ: Trong suốt thời gian anh Tuyển nghỉ việc, anh Tuyển không đến Công ty để nhận Sổ bảo hiểm xã hội và cũng không có văn bản nào gửi Công ty đề nghị chốt Sổ bảo hiểm xã hội để hưởng trợ cấp thất nghiệp. Công ty xác nhận việc chậm trả Sổ Bảo hiểm cho anh Tuyển là có lỗi nhưng anh Tuyển cũng thừa nhận anh không đi đăng ký thất nghiệp nên theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2013 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội, Công ty Cổ phần D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tuyển đối với khoản trợ cấp thất nghiệp và tiền lãi chậm trả tiền trợ cấp thất nghiệp.

Nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ: Công ty Cổ phần D chấm dứt hợp đồng lao động với anh từ ngày 02/7/2017, đến nay Công ty chưa trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh nên anh không thể đăng ký trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh Tuyển là người lao động không hiểu biết pháp luật, anh Tuyển không chấp quan điểm của người đại diện hợp pháp của bị đơn. Yêu cầu Công ty phải trả tiền trợ cấp thất nghiệp cho anh là 12.920.400 đồng và số tiền lãi chậm trả tiền trợ cấp thất nghiệp tính đến hết tháng 9/2017 là 4.199.130 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đơn kháng cáo: Theo quy định tại Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017 của Công ty Cổ phần D thì ông Nguyễn Văn Phi, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty ký đơn kháng cáo là chưa đúng.

Về nội dung kháng cáo: Do Công ty Cổ phần D không chốt Sổ bảo hiểm xã hội và trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh Tuyển nên anh Tuyển không thực hiện được việc đăng ký thất nghiệp để được trợ cấp thất nghiệp. Anh Tuyển khởi kiện Công ty phải trả tiền trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho anh là đúng quy định của pháp luật. Công ty kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng không có chứng cứ chứng minh. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Tuyển khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền lương, bồi thường tiền trợ cấp thôi việc, các chế độ khác, theo Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Anh Tuyển chấm dứt hợp đồng với Công ty Cổ phần D từ ngày 03/7/2014. Đến ngày 13/6/2016 anh Tuyển mới có đơn đề nghị Công ty thanh toán tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trợ cấp thôi việc. Như vậy thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trợ cấp thôi việc đã hết, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án không có bên nào yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, do đó Tòa án giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung khởi kiện yêu cầu thanh toán 7 tháng tiền lương là 10.951.332 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán: Đây là tranh chấp giữa cá nhân người lao động với người sử dụng lao động, theo Điều 201 của Bộ luật Lao động năm 2012 bắt buộc phải thông qua thủ tục hoà giải của Hoà giải viên lao động trước khi khởi kiện tại Tòa án. Anh Tuyển khởi kiện nhưng chưa thông qua thủ tục hoà giải của Hoà giải viên lao động. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần D:

4.1. Về đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần D đã thực hiện đúng quy định tại Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, 3 Điều 1 của Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2017 của Công ty Cổ phần D.

4.2. Về nội dung kháng cáo:

Công ty kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2013 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội thì hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp bao gồm có Sổ bảo hiểm xã hội.

Theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 184/2015/QĐ-TVN ngày 02/7/2014 của Công ty Cổ phần D thì anh Tuyển nghỉ việc từ ngày 03/7/2014. Tuy nhiên, sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với anh Tuyển, đến ngày 31/12/2016 Công ty Cổ phần D mới thanh toán xong số tiền bảo hiểm với Bảo hiểm xã hội và chốt xong Sổ bảo hiểm cho người lao động. Đến nay, Công ty vẫn chưa trả Sổ bảo hiểm xã hội cho anh Tuyển.

Như vậy, Công ty Cổ phần D đã có lỗi trong việc để nợ tiền bảo hiểm xã hội của người lao động với cơ quan Bảo hiểm xã hội dẫn đến việc không hoàn thành trách nhiệm thủ tục xác nhận và trả Sổ bảo hiểm xã hội, những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 47 của Bộ luật Lao động

Tuy nhiên, tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 100/2012/NĐ-CP nêu trên cũng quy định: *"Trong thời hạn 15 ngày (tính theo ngày làm việc), kể từ ngày đăng ký thất nghiệp, người lao động phải trực tiếp nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này cho cơ quan lao động nơi người lao động đăng ký thất nghiệp hoặc cơ quan lao động nơi chuyển đến để hưởng bảo hiểm thất nghiệp"*. Anh Tuyển khai anh có hỏi thủ tục đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp và được trả lời là kèm theo hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp phải xuất trình Sổ bảo hiểm xã hội nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện việc đã đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp. Hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện anh Tuyển đã đến cơ quan lao động để đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Và tại Điều 81 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 quy định về điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp thì người thất nghiệp được hưởng bảo hiểm thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ mười hai tháng trở lên trong thời gian hai mươi bốn tháng trước khi thất nghiệp;
2. Đã đăng ký thất nghiệp với tổ chức bảo hiểm xã hội;

3. Chưa tìm được việc làm sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Anh Tuyền đã đóng bao hiểm thất nghiệp 05 năm 06 tháng và hiện vẫn chưa có việc làm nhưng anh Tuyền không đăng ký thất nghiệp với tổ chức bảo hiểm xã hội nên cũng có một phần lỗi.

Tòa án cấp phúc thẩm xác định, Công ty Cổ phần D có lỗi chủ yếu dẫn đến việc anh Tuyền không được hưởng trợ cấp thất nghiệp, anh Tuyền cũng chịu một phần lỗi của mình, cụ thể Công ty Cổ phần D phải chịu 70% lỗi, anh Tuyền chịu 30% lỗi.

Anh Tuyền có thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 66 tháng nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 82 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, mức trợ cấp thất nghiệp anh Tuyền được hưởng là 6 tháng.

Số tiền trợ cấp thất nghiệp anh Tuyền được hưởng là $60\% \times (\text{lương tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6/2014}) : 6 = 60\% \times (3.589.000\text{đ} \times 6) : 6 = 2.153.400 \text{ đồng/tháng} \times 6 = 12.920.400\text{đ}$.

Như vậy, Công ty Cổ phần D phải thanh toán khoản tiền trợ cấp thất nghiệp cho anh Tuyền là $12.920.400\text{đ} \times 70\% = 9.044.200\text{đồng}$. Số tiền lãi được tính lại tương ứng với khoản tiền mà Công ty Cổ phần D phải thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự như sau: $(9.044.200\text{đồng} \times 10\% \times 3 \text{ năm}) + [(9.044.200\text{đồng} \times 10\%) : 12 \text{ tháng}] = 2.713.260 \text{ đồng} + 226.105 \text{ đồng} = 2.939.365\text{đồng}$.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho anh Tuyền: Tại cấp sơ thẩm anh Tuyền đã rút yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này của anh Tuyền là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Bản án sơ thẩm của bị đơn.

[6] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Sửa lại phần án phí lao động sơ thẩm đối với Công ty Cổ phần D.

Bản án sơ thẩm Quyết định Công ty Thép Việt Nhật phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trợ cấp thất nghiệp 12.920.400 và tiền lãi là 4.199.130 đồng nhưng lại quyết định cho Công ty Thép Việt Nhật phải chịu 513.586 đồng án phí là không đúng quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[8] Về án phí lao động phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên Công ty Cổ

phần D không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47; Điều 201 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 82 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; khoản 7 và khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 100/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2012 của Chính Phủ và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 04/2013/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2013 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 và Điều 48 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 11 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm:

Công ty Cổ phần D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho anh Bùi Văn T khoản tiền trợ cấp thất nghiệp là 9.044.200đ (chín triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm đồng) và số tiền lãi chậm trả tiền trợ cấp thất nghiệp tính từ tháng 7/2014 đến hết tháng 9/2017 là 2.939.364đ (hai triệu chín trăm ba mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

[2] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn T về việc:

Buộc Công ty Cổ phần D phải trả cho anh khoản tiền nợ lương là 10.951.332đ (mười triệu chín trăm ba mươi một nghìn ba trăm ba mươi hai đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán tiền lương.

Buộc Công ty Cổ phần D phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho anh Tuyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần D phải nộp tiền án phí lao động sơ thẩm là 599.178đ (năm trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

[4] Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty Cổ phần D không phải nộp án phí lao động phúc thẩm. Công ty được trừ đi 300,000đ tiền tạm ứng án phí lao động phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007574 ngày 02/11/2017.

Số tiền án phí Công ty Cổ phần D còn phải nộp là 299.178đ (hai trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy Phạm Văn Phích

Đặng Hồ Điệp

